

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 21-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Minh Huyền và bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Vọng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng x năm xxxx, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ N, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị M; chưa có vợ, con; tiền sự: không. Tiền án: tại Bản án số 92/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 25/4/2024 chấp hành xong bản án. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 02/8/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C. Có mặt.

2. Phạm Văn T1, tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng x năm xxxx, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ B, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân Công ty than K; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân L và bà Đinh Thị V; chưa có vợ, con; tiền sự: không. Tiền án: tại Bản án số 138/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 02/8/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Lê Hải Đ, tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng x năm xxxx, tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X và bà Thạch Thị Hồng H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 02/8/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C. Có mặt.

4. Trần Thị H, tên gọi khác: không; sinh ngày xx tháng x năm xxxx, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ T, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình C và bà Giang Thị T; không có chồng; có 03 con, con lớn nhất sinh năm xxxx, con nhỏ nhất sinh năm xxxx; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 02/8/2024, tạm giữ đến ngày 10/8/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh, hiện tại ngoại. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* bà Lưu Thị L, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ H, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: anh Nguyễn Thế A và anh Hoàng Mạnh C, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/8/2024, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Hải Đ, Hoàng Mạnh C và Nguyễn Thế A cùng nhau uống bia. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T bảo riêng Đ tìm mua ma túy để sử dụng. Đ đồng ý mua ma túy, còn T thuê phòng hát để sử dụng. Việc T và Đ trao đổi mua ma túy để sử dụng, T1, C và A không biết và không được bàn bạc. Đ gọi điện thoại nhờ Trần Thị H mua hộ thì H đồng ý. Theo yêu cầu của H, Đ đã chuyển khoản 5.000.000 đồng. Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, Đ đến nhà H ở tổ 84, khu 7A, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả lấy được 02 viên ma túy MDMA (thường gọi là thuốc lắc) và 02 gam Ketamine đóng trong 02 túi nilon. Khi Đ rời quán đi mua ma túy, thì T rủ T1, A và C, uống bia xong thì đi hát Karaoke, tất cả đồng ý, T chưa nói mục đích đến quán sẽ sử dụng ma túy. Sau đó, T1 và A đi về nhà.

Đến khoảng 13 giờ, Đ cầm ma túy quay lại quán bia. T bảo C chở T và Đ bằng xe mô tô của C đến quán Karaoke Hải Ly của bà Lưu Thị L ở tổ H, khu A, phường C trước. Đến nơi, T và Đ vào quán, còn C đón A. T gặp bà L thuê phòng để hát và được bố trí phòng 201. Khi T và Đ đi lên đến cửa phòng 201, Đ đưa cho T túi nilon đựng ma túy. Trong phòng hát, lúc này chỉ có T và Đ thì T lấy tờ tiền 2.000 đồng của T và lấy 01 túi ma túy Ketamine đổ một ít lên mặt tờ tiền, dùng bật lửa đánh nhuyền, rồi T sử dụng bằng cách hít bằng mũi. T đưa cho Đ hít một đường Ketamine. Sau khi sử dụng, Đ bảo T cất số ma túy còn lại để 02 người sử dụng riêng thì T đồng ý, cất ma túy vào túi áo. Do say bia và ma túy, Đ nằm ngủ ở ghế trong phòng hát.

Khi C chở A đến, T mượn xe mô tô của C đến nhà đón T1. Sau đó, T, T1, A, C ngồi hát và uống bia, được một lúc thì T tự ý lấy túi ma túy mà trước đó Đ đã đưa cho T, đặt lên mặt bàn. T lấy 02 viên thuốc lắc đặt lên mặt tờ tiền 2.000 đồng của T và dùng bật lửa nghiền nhỏ, pha vào 04 cốc nước Coca để trên mặt bàn để mọi người sử dụng. Lúc sau, T sử dụng chiếc đĩa nhựa có sẵn trong phòng hát và lấy túi ma túy Ketamine đổ một ít ra đĩa. T mượn T1 chiếc thẻ nhựa cứng để đánh

ma túy, T1 đồng ý. T đánh nhuyễn ma túy Ketamine trên đĩa và kẻ thành nhiều đường, rồi dùng tờ tiền 20.000 đồng của T cuộn thành ống tròn để hút ma túy Ketamine. T sử dụng xong thì bê đĩa Ketamine mời C và mọi người sử dụng. Đến lượt T1 sử dụng, thấy ống hút ngắn, T1 bỏ tờ tiền 50.000 đồng cuộn thành ống tròn dài hơn để thuận tiện khi sử dụng, sử dụng xong T1 để ống hút lên mặt đĩa để mọi người cùng sử dụng. Sau đó, cả nhóm cùng nhảy và tiếp tục sử dụng thêm một đến hai lượt ma túy nữa trên đĩa. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Công an đến kiểm tra, thu giữ vật chứng: trên nền nhà, vị trí dưới gầm ghế thứ 4 kê sát tường phía T (tính từ cửa vào trong phòng): 01 túi nilon kích thước (3x2,8)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục (ký hiệu M1) và 01 túi nilon kích thước (3x3)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục (ký hiệu M2). Tại vị trí trên mặt bàn thứ 3 tính từ ngoài cửa phòng vào gồm có: 01 đĩa nhựa màu trắng, trên mặt đĩa dính chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M3), trên mặt đĩa có: 01 túi nilon kích thước khoảng (7,5x5)cm, bên trong dính chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M4); 01 ống hút quần bằng tờ tiền 50.000 đồng và 01 ống hút quần bằng tờ tiền 20.000 đồng được cố định ở giữa bằng vỏ tộp điều thuốc lá (ký hiệu M5) và 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 tờ tiền 2.000 đồng gấp đôi theo chiều dọc, 01 chiếc thẻ nhựa ép plastic, mặt trước ghi thông tin “THẺ ĐÈN, PHẠM VĂN T1”, số thẻ 9938, có dán ảnh của T1 tại mép thẻ có dính chất bột màu trắng.

Ngày 02/8/2024, Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thị H về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”; đối với Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1 và Lê Hải Đ về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Quá trình bắt, tạm giữ thu của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen và H tự giao nộp 5.000.000 đồng tiền bán ma túy cho Đ; thu của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng; thu của Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi và của T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng (kèm theo sim).

Tại các kết luận giám định số 1216/KL-KTHS ngày 05/8/2024 và số 1217/KL-KTHS ngày 08/8/2024 đều của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: mẫu vật kí hiệu M1, M2, M3 và M5 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng M1= 0,284 gam, M2 = 0,659 gam. Mẫu M3 và M5: dạng vết không xác định được khối lượng. Tìm thấy chất ma túy loại MDMA, Ketamine trong mẫu kí hiệu M4, khối lượng dạng vết không xác định được. Tìm thấy chất ma túy, loại Ketamine trên tờ tiền 50.000 đồng và chiếc thẻ nhựa ép plastic mang tên Phạm Văn T1 gửi giám định, khối lượng dạng vết không xác định được. Không tìm thấy chất ma túy trên tờ tiền 2.000 đồng gửi giám định. Tìm thấy chất ma túy loại MDMA, Ketamine trong mẫu nước tiểu của C, T, T1 và Đ. Tìm thấy chất ma túy loại MDMA trong mẫu nước tiểu của Ân.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Trần Thị H và Lê Hải Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và còn khai: T khai: T nghĩ trước đó T đã rủ và hẹn với T1, C và Ân đến quán để hát và muốn mọi người vui nên đã tự ý bỏ số ma túy còn lại của Đ ra pha chế cho cả nhóm sử dụng. Số ma túy bị thu giữ nếu không bị phát hiện, thu giữ T sẽ bỏ ra sử dụng hết. H khai: nguồn gốc số ma túy bán cho Đ, H mua của người không quen biết tại thành phố Hải Phòng vào chiều ngày 31/7/2024, với giá 3.000.000 đồng; hai con lớn của H (con

sinh năm 2016 và con sinh năm 2018) là con với những người đàn ông H quen biết trên mạng xã hội, không còn liên lạc với nhau và cũng không biết thông tin lai lịch địa chỉ của họ. Đ khai: sau khi cùng T sử dụng ma túy, Đ bảo T cất ma túy đi để T và Đ sử dụng rồi Đ đi ngủ. Đ không biết T bỏ gói ma túy của mình ra chế biến cho mọi người sử dụng vì trước đó đã bảo T cất đi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị L trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai, quan điểm thể hiện: khoảng 13 ngày 01/8/2024, T là người đặt vấn đề thuê phòng hát với bà, bà không biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát. Đối với 01 chiếc đĩa nhựa màu trắng bị thu giữ là của gia đình bà, để sẵn trong phòng hát, do các bị cáo tự ý lấy để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, bà không nhận lại, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định pháp luật, bà không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Người làm chứng các anh Nguyễn Thế Â và Hoàng Mạnh C đều có lời khai về thời gian, địa điểm, diễn biến việc các bị cáo T và T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 363/CT-VKSCP ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Hải Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thái độ ăn năn, hối cải. Bị cáo T thừa nhận là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bảo Đ đi mua ma túy, chuẩn bị công cụ, pha chế ma túy để bị cáo và cả nhóm cùng sử dụng; T còn tự ý bỏ gói ma túy Đ bảo cất đi chỉ để hai người dùng, ra cho cả nhóm sử dụng mà không nói cho Đ biết; số ma túy còn lại T và cả nhóm vẫn đang sử dụng, chưa hết thì bị thu giữ. Đ thừa nhận không biết việc T tự ý bỏ gói ma túy mà Đ mua, cho cả nhóm sử dụng và khi T đưa ma túy cho Đ sử dụng cùng với C, Â, Đ không biết đó là ma túy của ai. Các bị cáo H và T1 giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra. Cả bốn bị cáo đều thừa nhận bị truy tố đúng người, đúng tội, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng. Sau khi viện dẫn, phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội; vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Hải Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 (riêng Phạm Văn T1 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65) Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm 6 tháng đến 08 năm tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 07 năm đến 07 năm 3 tháng tù, tổng hợp hình phạt 21 tháng tù của Bản án số 138/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, hình phạt chung của hai bản án từ 08 năm 9 tháng tù đến 09 năm tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Hải Đ từ 27 tháng đến 30 tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo T, T1 và Đ đều tính từ ngày 02/8/2024.

Áp dụng: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 10/8/2024.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định; các vật chứng liên quan đến việc phạm tội; 02 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng thu giữ của các bị cáo H và Đ. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo H và Đ; tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng mà bị cáo T, T1 dùng để sử dụng ma túy; số tiền 5.000.000 đồng bị cáo H giao nộp, do bán ma túy cho Đ mà có. Trả lại cho: bị cáo T1 01 điện thoại di động, bị cáo T 01 điện thoại di động, bị thu giữ đều kèm sim.

Các bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, thừa nhận bị truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng; biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; biên bản kiểm tra điện thoại; vật chứng thu giữ; phù hợp kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa hôm nay, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 01/8/2024, tại tổ T, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, Trần Thị H đã bán trái phép 02 viên ma túy loại MDMA và 02 túi ma túy loại Ketamine, với giá 5.000.000 đồng cho Lê Hải Đ.

Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 01/8/2024, tại quán Karaoke H ở tổ H, khu A, phường C, thành phố C, Nguyễn Văn T và Lê Hải Đ có hành vi tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy, loại Ketamine; Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1 có hành vi tổ chức cho nhau và tổ chức cho Lê Hải Đ, Hoàng Mạnh C, Nguyễn Thế Â sử dụng trái phép chất ma túy, loại MDMA và Ketamine thì bị Công an thành phố Cẩm Phả phát hiện, thu giữ vật chứng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn T1 đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Lê Hải Đ đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trần Thị H đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, như nội dung Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm; nhân thân các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội vì ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần nguy hiểm, không chỉ gây tổn hại về sức khỏe, tinh thần, nhân cách của người sử dụng, mà còn là nguồn gốc phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là những người trưởng thành, biết và nhận thức được tác hại của ma túy, các quy định nghiêm cấm của Nhà nước nhưng chỉ vì thiếu ý thức rèn luyện nên đã bất chấp pháp luật, trong đó các bị cáo T, T1, Đ cố ý tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn lối sống buông thả của bản thân; bị cáo H vì hám lợi cố ý bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Đ. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Về nhân thân bị cáo T và bị cáo T1 đều có tiền án.

[4] Về vai trò của các bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Vai trò của các bị cáo: các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau từ trước mà do nhất thời phạm tội nên chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó: bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng, bảo Lê Hải Đ đi mua ma túy, thuê phòng hát chuẩn bị dụng cụ, chủ động pha chế ma túy để bị cáo và cả nhóm cùng sử dụng trái phép chất ma túy nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo Phạm Văn T1 đưa thẻ nhựa của mình cho T để T chế biến ma túy, lấy tờ tiền tự cuộn thành ống hút để bị cáo và cả nhóm sử dụng ma túy nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức sau bị cáo T. Bị cáo Lê Hải Đ bỏ tiền mua ma túy để cùng T tổ chức sử dụng, nên có vai trò đồng phạm với T và phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của bị cáo.

Bị cáo Trần Thị H phạm tội độc lập nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Trần Thị H và Lê Hải Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T và

Phạm Văn T1 đều đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng: tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T1 đang trong thời gian thử thách, lại thực hiện hành vi phạm tội mới nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án số 138 ngày 25/9/2023 và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn T1 còn bị tai nạn lao động suy giảm khả năng lao động 38%, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với ma túy hoàn lại sau giám định là chất nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội đựng trong 01 phong bì niêm phong số 1216/KL-KTHS (số 01) (trong đó, có 01 đĩa nhựa màu trắng của quán bà Lưu Thị L mà bị cáo T sử dụng để pha chế ma túy, bà L không yêu cầu nhận lại) và 01 bật lửa gas màu đỏ; 02 sim điện thoại thu giữ của các bị cáo H và Đ, không còn giá trị sử dụng nên đều tịch thu tiêu hủy.

01 tờ tiền Việt Nam loại 2.000 đồng, 01 tờ tiền Việt Nam loại 20.000 đồng và 01 tờ tiền Việt Nam loại 50.000 đồng (trong phong bì niêm phong số 1216/KL-KTHS (số 02), mà các bị cáo dùng để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Đây đều là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo H và Đ, được các bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội; số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo H giao nộp, là tiền có được do bán ma túy cho Đ, do phạm tội mà có nên đều tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

02 điện thoại di động kèm sim thu giữ của các bị cáo T và T1, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Liên quan trong vụ án:

Đối với Hoàng Mạnh C và Nguyễn Thế Â có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố Cẩm Phả đã ra Quyết định xử phạt hành chính. Bà Lưu Thị L là chủ quán Karaoke H cho Nguyễn Văn T thuê phòng hát, nhưng không biết nhóm của T sử dụng ma túy. Việc bà L để khách lợi dụng sơ hở trong quản lý để thực hiện hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và trước đó cơ sở kinh doanh đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã có Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C xử phạt hành chính, nên đều không đề cập xử lý.

Đối với người bán trái phép chất ma túy cho Trần Thị H, do không xác định được lai lịch, địa chỉ, nên không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

Đối với việc H khai sinh 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018) khi chưa đủ 18 tuổi, với những người đàn ông mà H quen biết trên mạng xã hội, không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

Đối với 10 đĩa DVD lưu trữ nội dung ghi hình có âm T1 lời khai của các bị cáo (không đánh số bút lục). Xét thấy nội dung trong 10 đĩa DVD là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 (riêng bị cáo Phạm Văn T1 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65) Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 07 (bảy) năm tù, tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, tại Bản án số 138/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2024.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Lê Hải Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Lê Hải Đ 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2024.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 123; khoản 3 Điều 124 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Trần Thị H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 10/8/2024.

Tiếp tục duy trì biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Trần Thị H cho đến khi bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 1216/KL-KTHS (số 01) của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, còn nguyên dấu niêm phong; 01 (một) chiếc sim trên sim có 4 dãy số: 8401, 2207, 5046, 8083 thu giữ của Trần Thị H; 01 (một) chiếc sim trên sim có 4 dãy số: 89840, 48000, 33660, 8723 thu giữ của Lê Hải Đ, đều không xác định số sim; 01 (một) bật lửa gas màu đỏ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen (điện thoại thu giữ của Trần Thị H); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu ghi (điện thoại thu giữ của Lê Hải Đ), màn hình đều có vết nứt. Điện thoại đều đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

- 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại 2.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại 20.000 đồng và 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại 50.000 đồng, trong 01 (một) phong bì niêm phong số 1216/KL-KTHS (số 02) của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, còn nguyên dấu niêm phong.

- Số tiền 5.000.000 đồng theo 01 (một) biên bản giao nhận tài sản số 65/2024/BBGN-CQCSĐTCATPCP ngày 30/8/2024 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố C và Kho bạc nhà nước C (tiền vật chứng thu giữ).

Trả lại cho: bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng (điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn T) và 01 (một) chiếc sim, trên sim có 4 dãy số: 8401, 2403, 1233, 3415; bị cáo Phạm Văn T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng (điện thoại thu giữ của Phạm Văn T1) và 01 (một) chiếc sim, trên sim có 4 dãy số: 8401, 2302, 2425, 6704. Hai chiếc sim đều không xác định số sim; điện thoại đều đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 49/BB-THA, ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Hải Đ và Trần Thị H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Án xử công khai, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- Các bị cáo; người có ql, nvlq;
- CQCSĐT Công an thành phố Cẩm Phả;
- CQTHAHS Công an thành phố Cẩm Phả;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Cẩm Phả;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thu Đông

